

Bản án số: **18/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 28/06/2018

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 41/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1981; ĐKKH tại: xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cư trú tại: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; Cư trú tại: xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 31/12/1999 tại UBND xã K là quê của chị K. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm 8B, xã C, huyện K; vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc sau mới phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên đơn chị Trần Thị K xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hai bên khuyên giải nhưng cho

đến nay tình trạng vợ chồng không cải thiện được mà càng nặng nề hơn; từ năm 2011 chị đã sống ly thân với anh M, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được; cuộc sống không thể duy trì được nữa; chị yêu cầu giải quyết ly hôn giải phóng cho cả hai.

Về con chung: vợ chồng chị K và anh M có 01 con chung là Nguyễn Thị T sinh ngày 03/10/2000 hiện đang do chị K nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M mặc dù đã được tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án trực tiếp nhưng từ chối nhận thông báo thụ lý vụ án, không có văn bản nêu ý kiến trả lời yêu cầu khởi kiện của chị K; không tham gia các gia đoạn tố tụng tiếp theo; từ chối không hợp tác làm việc với Tòa án.

Con chung chưa thành niên của hai anh chị là cháu Nguyễn Thị T khi được hỏi ý kiến có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn M; giao chị K trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị T; chị K phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: chị Trần Thị K khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn M cư trú tại xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 26 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Nguyễn Văn M mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2, Điều 227, 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND K là quê của chị K. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã C, huyện K. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì mới phát sinh mâu thuẫn; do mâu thuẫn vợ chồng đến năm 2011 chị K về nhà mẹ đẻ xóm A, xã K, huyện K sống ly thân với anh M. Chị K xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính

tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được dẫn đến vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được.

[3] Anh M mặc dù biết chị K yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị K và anh M tại UBND xã C là nơi anh M cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận từ năm 2011 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị K và con đã từ xã C về xã K sinh sống đến nay và nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được.

[4] Như vậy chị K xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống, bất đồng về cách thức làm ăn là có căn cứ; thực tế vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được hai bên đã ly thân từ năm 2011. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh M và chị K hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị K giải quyết ly hôn anh M là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về con: vợ chồng anh M và chị K có một con chung là Nguyễn Thị T sinh ngày 03/10/2000 hiện đang do chị K nuôi dưỡng; khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh M không có ý kiến gì về vấn đề này; con chung của hai anh chị khi được hỏi ý kiến có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn;

Về cấp dưỡng về điều kiện thu nhập hai anh chị đều làm nghề tự do phổ thông, thu nhập không cao; chị K cũng không chứng minh hơn hẳn về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; mặc dù được giải thích nhưng chị K cho rằng từ khi ly thân đến nay chị một mình nuôi con chung mà không cần sự hỗ trợ của anh M nên khi ly hôn còn vài tháng nữa là cháu T thành niên nên chị không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Căn cứ thực tế và quy định tại Điều 81 luật HNGĐ việc giao cháu T cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục anh M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị K là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Khi ly hôn chị K không yêu cầu tòa án giải quyết, anh M không có phản tố về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị K và Nguyễn Văn M.

2/ Giao chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung là Nguyễn Thị T sinh ngày 03/10/2000 đến khi thành niên. Anh M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị K. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Chị Trần Thị K phải nộp 300.000^d án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2814 ngày 20/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm; đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- UBND xã K;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh